

# Về “cái bi” trong thơ chinh phụ đời Đường

THS. LƯƠNG HUYỀN THANH

*Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sâm Sơn, Thanh Hóa*

1. Trong Đường thi, hình tượng người chinh phụ không nhiều như thơ về thiên nhiên, tình bằng hữu, quê hương, thơ biên tái...nhưng là mảng thơ có dấu ấn đậm nét một góc u hoài, mệnh mông thương cảm mà các nhà thơ đường như đã dành riêng cho những người chinh phụ. Trước đó, thảng hoặc đã gặp những thiếu phụ ấy trong thơ ca cổ Trung Quốc, nhưng không lưu lại nhiều ấn tượng. Ngay cả trong Kinh thi, phong cách biểu hiện vốn rất hồn nhiên chân thật, tình cảm của người chinh phụ vẫn như bị kìm hãm, cam chịu.

Thời kì nhà Đường với gần 3 thế kỉ thống trị, xung đột nội bộ đẫm máu cùng những cuộc chiến tranh bành trướng thế lực cứ xảy ra liên miên khiến cuộc sống của nhân dân khắp chốn điêu linh. Bao trai tráng phải tha hương, bỏ lại người thân, vợ con vào trại lính, đến những “lão ông” cũng không thoát khỏi nạn phu dịch, binh đao. Kể từ loạn An – Sử cho đến khởi nghĩa Hoàng Sào, khắp nơi chưa lúc nào ngớt tiếng rên xiết vì sinh

ly tử biệt. “Vọng phu thạch” thấy ở khắp nơi trên con đường phiêu bạt của “kẻ sĩ”. Gần 3 thế kỉ loạn lạc, tiếng nức nở của những người chinh phụ nhớ chồng đã đồng vọng vào thi ca như một điều tất yếu.

Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi muốn trao đổi những cảm nhận ban đầu về “những tiếng nức nở” ấy, hay nói một cách khái quát là vấn đề “cái bi”- đối tượng thẩm mỹ chủ yếu của mảng thơ chinh phụ đời Đường.

2. Trong văn học nghệ thuật nói chung và thi ca nói riêng “cái bi” là “dạng thức nỗi đau khổ cao cả, thống thiết, vượt ra ngoài hệ đối kháng: lạc quan, bi quan”, được phạm trù mỹ học xác định giá trị thẩm mỹ. “Cái bi gắn với cái cao cả và cái anh hùng ở chỗ nó không tách rời những ý tưởng về phẩm giá và sự kỳ vĩ của con người, được bộc lộ trong chính sự đau khổ của nó. Ở cái bi diễn ra sự tự khẳng định của cá nhân, tự khẳng định nguyên tắc tinh thần hoặc phẩm chất đạo đức của cá nhân.”<sup>(2)</sup>

Trên tinh thần đó, “cái bi” trong mảng thơ chinh phụ đời Đường “với tính toàn vẹn cụ thể, cảm tính của mình, chúng hiện diện như những giá trị xã hội – nhân bản, tức là những giá trị thể hiện sự khẳng định con người trong thế giới”<sup>(3)</sup>.

2.1. Cái bi biểu hiện trước hết qua nỗi *sâu*, nét tâm trạng đặc trưng nhất của người chinh phụ.

Dường như không một bài thơ chinh phụ nào không chan chứa nỗi *sâu* của những thiếu phụ xa chồng.

Cái *sâu* ly biệt, nó lan tỏa mọi không gian, thời gian, cảnh vật. Nàng *sâu* vì nỗi nhớ thương dày vò từng giây, từng phút mà người chồng ở “nơi xa xôi như cách trời xanh” vẫn “bặt vô âm tín”. Như trong bài *Tự quân chi xuất hỹ* của Trương Cửu Linh:

Nhớ chàng tròn bóng nguyệt

Mỗi tối một hao gầy.

(Lê Nguyễn Lưu dịch)

hay *Văn dạ châm* của Bạch Cư Dị:

Nhà ai, người vợ nhớ chồng mùa thu đập lụa

Trăng nảo nề, gió lạnh lòng, tiếng chày *sâu* thắm.

Tháng tám tháng chín đang buổi đêm dài,

Nghìn tiếng, muôn tiếng không lúc nào ngừng.

Có lẽ đến sáng sớm thì đầu bạc hết,

Vì cứ mỗi tiếng thì thêm một sợi tóc thành tơ.)

(Lê Nguyễn Lưu dịch)

Với những người chinh phụ, nhớ thương là *sâu* muộn. Bởi lẽ muốn chia xẻ

tâm sự với chồng mà cách xa vạn dặm, rốt cục chỉ một mình mình biết, riêng mình mình đau:

Ngọc quan khú thử tam thiên lý

Dục ký âm thư ná khả văn?

(Tư biên- Lý Bạch)

Dịch nghĩa:

Ái Ngọc Quan cách đây đến ba ngàn dặm,

Em muốn gửi thư nhưng biết chàng có nhận được chăng?

(Lê Nguyễn Lưu dịch)

Mộng hồn bất đáo quan san nan

Trường tương tư tồ tâm can

(Trường tương tư- Lý Bạch)

Dịch nghĩa:

Hồn mộng không đến được vì quan san hiểm trở

Nhớ nhau hoài héo hắt ruột gan

(Lê Nguyễn Lưu dịch)...

Và nhớ thương đến độ “đứt ruột” như người vợ trẻ trong bài “*Xuân tứ*” của Lý Bạch:

Cỏ Yên như sợi tơ xanh

Dâu Tần xanh ngắt rủ cành xum xuê

Khi chàng tưởng nhớ ngày về

Chính là khi thiếp tái tê nỗi lòng

Gió xuân , ai biết cho cùng

Có sao len lỏi vào trong màn là?

Khương Hữu Dụng dịch.

Do quá mong mỏi, nhớ thương chồng đến “đứt ruột” mà người vợ nhảm gió xuân với sự trở về của chồng. Nhưng dù sao người chồng cũng chỉ trở về trong ngọn gió tưởng tượng, cũng là không. Ngọn gió ấy lại như lật tung nỗi niềm, càng làm tăng thêm sự thống thiết, đứt

ruột. Và thi tiên Lý Bạch, chỉ bằng một chi tiết nhỏ “sự lay động của gió xuân” mà diễn tả “rất thơ” cái khao khát yêu đương của một người vợ trẻ xa chồng.

Với họ, dường như, nỗi nhớ thương chỉ có thể hoá giải khi gặp được chồng, nhưng biết đến bao giờ? Nỗi sầu lại nhân đôi trong đợi chờ khắc khoải:

Trích tận đình lan bất kiến quân  
 Hồng cân thức lệ sinh nhân uân

(Đào y thiên – Lý Bạch)

Hái hết lan ngoài sân vẫn không thấy chàng

Khăn hồng lau lệ mờ cả mắt.

(Lê Nguyễn Lưu dịch)

Và dù biết “Cổ lai chinh chiến kỉ nhân hô” nhưng người vợ vẫn chờ đợi trong lặng cảm đau đớn đến hoá đá:

Dịch nghĩa:

Chỗ đứng ngóng trông chồng,  
 Là bên dòng sông mệnh mang.  
 Hoá thành ra tảng đá,  
 Không ngoảnh đầu nhìn lại.

Ngày lại ngày, dầm mưa giải gió trên đỉnh núi,

Người đi lúc nào về có lẽ đá mới nói.

*Vọng phu thạch- Vương Kiến* (Lê Nguyễn Lưu dịch)

Dường như, nỗi sầu ngàn năm của những người chinh phụ chờ chồng đã dồn cả vào đây. Và với thủ pháp giản dị tinh tế, mượn câu chuyện người đàn bà chờ chồng hoá đá trong truyền thuyết xưa, Vương Kiến đã khắc hoạ một hình tượng điển hình về người chinh phụ kiên trinh, như đá không sợ gió mưa vùi dập, đợi chờ một ngày nào đó sẽ được gặp

người chinh phụ mà thổ lộ hết nỗi niềm lúc xa nhau.

Thiên nhiên, vũ trụ dường như hoà điệu cùng nỗi lòng của người chinh phụ, mà cũng ủ rũ, xác xơ: “Lá ngô đồng tan tác, nhánh sa đường xác xơ” rồi: “Sương mỏng thê lương chiếu tre lạnh lẽo”, “Trăng đợi mãi vào phòng sương buồn bã”... Nhưng cuối cùng cũng chỉ có một mình nàng đối diện với nỗi đau khổ của chính mình: “Ngọn đèn lẻ loi không sáng, niềm nhớ càng xót xa”, “Hoa rụng trở thành cành khô, rớt cuộc riêng mình chẳng thấy, nước mắt rơi chỉ tự biết mình”. (Độc bất kiến – Lý Bạch)...

Nhưng, “Nhờ nói nhiều lần về nỗi đau buồn của mình, con người ngấm ngấm về nỗi đau buồn của mình và nhờ vậy cảm thấy nguôi bớt. Việc khóc than, việc bộc lộ nỗi buồn đè nặng trong lòng bao giờ cũng được xem là một biện pháp nhằm giải phóng mình khỏi gánh nặng của tình cảm này, hay ít nhất để làm con tim dịu bớt nỗi đau thương”<sup>(4)</sup>.

2.2. Giọt nước mắt cô đơn, sâu tủi đã lặng lẽ rơi không biết bao đêm, đã bạc bao mái đầu mà người trong mộng vẫn chưa về. Tình yêu, hạnh phúc, tuổi xuân, nhan sắc của người chinh phụ cứ phai tàn theo tháng năm, theo nỗi sầu ly biệt. Vì thế mà hận. Nỗi uất hận lúc lặng cảm như hóa đá, lúc trào dâng đau đớn, dưới mỗi mái nhà, trong từng đêm thu, mỗi sáng xuân. Họ hận một nỗi “lực bất tòng tâm”. Chỉ nhìn thấy hiện thực đau khổ mà không thể trở về quá khứ tươi đẹp, còn tương lai thì mù mịt:

“Nhớ năm cùng chàng từ biệt

Trồng cây đào vừa ngang mày hái

Nay đào đã cao hơn năm trước  
 Hoa rụng trở thành cành khô”

(Độc bất kiến – Lý Bạch)

Song, với người chinh phụ, mối hận sâu sắc nhất là khi chợt nhận ra tuổi xuân, hạnh phúc của mình bị đánh mất, ví như nỗi lòng người vợ trẻ trong thơ Lý Bạch:

“Trên lầu gió xuân thổi ngày sắp hết,

Ai có thể cầm gương soi xem mái tóc sâu?” (Bài ca đập áo).

Và nhất là phút “bừng tỉnh” của người thiếu phụ trẻ trung, xinh đẹp trong bài thơ “Khuê oán” của Vương Xương Linh cũng khiến nàng phải ôm mối hận tương tự:

Khuê trung thiếu phụ bất tri sâu  
 Xuân nhật ngưng trang thương thúy lâu  
 Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc  
 Hối giao phu tế mịch phong hầu  
 (Phòng khuê nàng chẳng biết chi sâu  
 Trang điểm ngày xuân đứng thúy lâu  
 Chợt thấy bên đường hàng liễu biếc  
 Tiếc xui chàng kiếm ấn phong hầu) -

Lê Nguyễn Lưu dịch.

Cái đáng thương và cũng là bi kịch của nàng chính là đương hồi tuổi trẻ. Vì muốn chồng mình có công danh, sự nghiệp rạng rỡ hợp với đạo người quân tử, nên dù chồng đi lính xa nàng cũng “bất tri sâu”. Ngày xuân vẫn trang điểm lên lầu ngắm cảnh. Nhưng khi “đăng cao” nàng đã bất chợt bắt gặp màu dương liễu. Chính màu dương liễu xanh biếc kia (biểu trưng cho mùa xuân, cũng là cho tuổi trẻ và hạnh phúc) đã khiến cho tâm tư khép kín của người chinh phụ hé mở. “Hốt kiến” chỉ là một khoảnh

khắc nhưng nó đã kịp thay đổi một quan niệm. Người khuê phụ giật mình, đau đớn nhận ra bi kịch: Mình còn rất trẻ, đương thì xuân sắc, đang lúc khao khát yêu đương lại phải xa chồng. Và nàng đã đi từ chỗ “bất tri” đến “tri”, từ “bất sâu” đến “hối”, một khoảng cách rất xa chỉ trong chớp mắt.

Cũng giống như bao chinh phụ khác, khi nàng “hận”, chứng tỏ nàng đang phản kháng, đang muốn chối bỏ cuộc sống đau khổ, vô nghĩa hiện tại. Còn hận là còn khát sống. Và, dường như nỗi khao khát sống thôi thúc đã khiến nàng cất lời oán trách.

### 2.3. Những lời “khuê oán”.

Mọi đau khổ của người chinh phụ đều bắt nguồn từ chiến tranh, vì chiến tranh mà vợ chồng tử biệt sinh ly, cuộc sống đối nghèo tăm tối. Oán trách chiến tranh là tâm trạng của rất nhiều chinh phụ. Ví như người góa phụ trẻ trong bài thơ *Chinh phụ oán* của Trương Tích:

“Thân gái xưa nay nhờ chồng con,  
 Nghèo hèn có nhau, hủ dạ hơn.

Chồng chết chiến trường con trong bụng

Như ngọn nến ngày, thiếp mỗi mòn”.

Hay của người vợ thương chồng trong bài *Khuê oán từ* của Lưu Vũ Tích:

“Người đi lính ngoài biên ải xa xôi

Nỗi chia lìa nơi phòng khuê càng khốn đốn

Đánh nhau gian khổ chắc người hốc hác

Áo rét may mong chớ rộng thùng thình”...

Chiến tranh kéo dài liên miên, cuốn con người vào vòng khổ ải không dễ gì

thoát ra được, như lời oán thán của người chinh phụ:

“Đời người ta vui rồi buồn không thể biết được

Chồng vừa đẹp xong ở Hắc Sơn về

Nay lại dang kế hoạch đi đánh phương nam

Sớm chiều cứ giục may áo trận”

(Khuê oán – Cao Biền).

Và trong ngàn vạn nỗi khổ đau do chiến tranh mang lại, nỗi khổ vì xa chồng không được hưởng ái ân, hạnh phúc là điều ám ảnh người vợ trẻ nhất. Oán trách chiến tranh hình như xa xôi quá, họ chỉ còn biết oán người chinh phu. Oán chinh phu mê mải kiếm vinh hoa ngoài trận mạc, bỏ mặc người vợ trẻ ngày đêm nhớ thương.

Chinh khách vô quy nhật,

Không bi huệ thảo tồi

(Người đi xa không có ngày trở lại

Không thương huệ úa hoa)

(Thu tứ)

Thủy hoặc luyến tiên phố

Vân do quy cựu san

Hận quân Lưu Sa khứ,

Khí thiếp Ngự Dương gian

Ngọc trợ dạ thù châu

Song song lạc châu nan

(Nước vẫn lưu luyến bến thưở trước

Mây còn trở lại núi cũ

Giận chàng đi tới Lưu Sa

Để mặc em ở vùng Ngự Dương

Đũa ngọc đêm đêm tuôn chảy

Hai hàng rơi trên vẻ mặt trẻ trung)

(Khuê tình- Lý Bạch)

Cũng có khi lớp bụi thời gian đã phủ lấp nỗi nhớ mong, đã vùi kín miền tâm tư của họ. Nhưng rồi bất chợt, một đóa hoa xuân, một nhành liễu biếc, tiếng trùng đêm thu... cũng gợi dậy nỗi lòng nhức nhối:

Thời gian như không đợi, người thiếu phụ còn chưa kịp dệt xong bức gấm gửi cho chồng ngoài biên ải, tiếng dế mùa lạnh đã vào màn gợi nhớ thương. Tiếng động rất khẽ thôi, nhưng làm xôn xao miền yên tĩnh nhất trong tâm hồn người chinh phụ. Và chính sự “bùng tỉnh” này đã khiến nàng “oán giận”. Nên, dù không có một “oán từ” mà lại nói được rất nhiều “oán từ”, ở đó, những người chinh phụ đã thiết tha bày tỏ một khát vọng yêu và sống mãnh liệt.

*Tóm lại*, đối tượng của “phương thức chiêm nghiệm cái bi đát” ở mảng thơ này là “tất cả những đối kháng” phát sinh từ những khổ ải của cuộc sống đời thường, sự bất lực của cá nhân trước những nghịch cảnh của thực tại: chiến tranh, ly biệt... Ở đó “sự bật phát và lan tỏa mạnh mẽ của tình cảm” được dồn nén trong những hình tượng và tứ thơ độc đáo.

### 3. Hình tượng hoá của xúc cảm

#### 3.1. Lấy cảnh ngụ tình.

“Phương thức hài hoà giữa tình và cảnh, dùng cảnh ngụ tình, tình ở trong cảnh đã được vận dụng cao độ trong thơ cổ Trung Quốc”<sup>(6)</sup>. Mảng thơ chinh phụ đời Đường cũng không ra ngoài phương thức nghệ thuật ấy. Ở đó “có một sự cảm thông kỳ lạ giữa con người và cảnh vật đến nỗi khi con người không thể nói hết tâm tình của mình thì cậy cảnh vật thiên nhiên bày tỏ, ở cái khoảng “vô

ngôn” của tâm tình, người ta dùng ngôn ngữ của thiên nhiên để thể hiện”.<sup>(6)</sup>

Trong rất nhiều những biểu tượng thiên nhiên, chúng tôi chú ý đến một số biểu tượng tiêu biểu, chẳng hạn như biểu tượng mùa vụ. Bởi theo cách nghĩ của người xưa, tâm trạng con người dễ tương cảm với bốn mùa: Xuân, hạ, thu, đông.

Trong mảng thơ chinh phụ, mùa xuân và mùa thu được nhắc tới nhiều nhất, bởi nó tương đồng với tâm trạng của những người vợ trẻ xa chồng. Tìm hiểu tập *Đường thi tuyển dịch* của Lê Nguyễn Lưu chúng tôi nhận thấy có hơn 40 bài thơ viết về người chinh phụ. Trong đó có 10 bài nhắc đến mùa xuân, 17 bài nhắc đến mùa thu.

Vào mùa xuân tiết trời ấm áp, cây cối nảy lộc đâm chồi, trời đất tương giao khiến lòng người cũng rạo rục. Tâm trạng người chinh phụ trong bài *Xuân tứ* của Lý Bạch là một ví dụ:

Yên thảo như bích ti,  
Tần tang đê lục chi.  
Đương quân hoài quy nhật,  
Thị thiếp đoạn trường thì.  
(Cỏ Yên như sợi tơ xanh  
Dâu Tần xanh ngắt rủ cành xum xuê  
Khi chàng tưởng nhớ ngày về  
Chính là khi thiếp tái tê nỗi lòng)

Khương Hữu Dụng dịch.

Cũng chính không gian mùa xuân ấy, sắc xanh dương liễu đầy nhựa sống ấy đã cho người thiếu phụ trẻ trung trong *Khuê oán* của Vương Xương Linh như đã nói ở trên một “khoảnh khắc đón ngộ”:

Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc  
Hối giao phu tế mạch phong hầu

Đến mùa thu lá rụng, heo may lạnh giá lại như tương cảm với nỗi sầu muộn, cô đơn của người chinh phụ. Chẳng hạn người vợ trẻ trong bài *Thu tứ* của Lý Bạch khi lên đài cao nhìn “lá vàng rơi” mà cảm thức: “Chinh khách vô quy nhật, không bi huệ thảo tồ” (Người đi xa không ngày trở lại, (sao) không xót thương cỏ huệ úa tàn).

Mùa thu lạnh lẽo khiến người thiếu phụ cô đơn càng nhớ thương chồng và lo lắng cho chồng nơi biên ải xa xôi buốt giá. Vì thế, gắn với mùa thu, biểu tượng “tiếng chày đập áo” đã trở đi trở lại trong nhiều bài thơ như một nỗi ám ảnh:

Thùy gia tự phụ thu đảo bạch,  
Nguyệt khổ phong thê châm chữ bi.  
(Nhà ai, người vợ nhớ chồng mùa thu  
đập lụa  
Trăng nảo nề, gió lạnh lùng, tiếng  
chày sâu thẳm)

(Văn dạ châm – Bạch Cư Dị)

Cử nguyệt hàn châm thôi mộc diệt  
(Tháng chín tiếng chày lạnh lùng giục  
lá cây rụng)

(Cổ ý – Thẩm Thuyên Kỳ)

Diệt tri thú bất phản  
Thu chí thức thanh châm...  
Ninh từ đảo y quyện  
Nhất ký tái viên thâm.  
Dụng tận khuê trung lực  
Quân văn không ngoại âm.  
(Cũng biết người đi lính xa không trở  
lại  
Thu đến lau sạch cái chày giặt bằng  
đá...)

Chẳng quản nhọc nhằn đập áo,  
Để gửi ra đồn ải xa xôi.

Dùng hết sức người trong phòng the.  
Mong chàng nghe tiếng vang ra ngoài  
ấy)

(Đào y - Đỗ Phủ)

Mùa thu đến những người vợ lại lo giặt áo ấm gửi ra biên ải cho chồng. Tiếng chày giặt áo mùa thu không chỉ vang lên từ một mà từ muôn nhà “vạn hộ đào y thanh”. Đó là tiếng lòng, tiếng yêu thương đến độ “đứt ruột” của những người chinh phụ. Họ không đếm xỉa đến cái giá lạnh bên mình mà chỉ lo cho chồng, “một dòng thư viết, nghìn dòng lệ, rét đến bên chàng, áo đến không?” (Ký phu – Trần Ngọc Lan).

Cũng như hình tượng “mùa xuân” và “mùa thu”, trong vô vàn sự vật tự nhiên, các nhà thơ Đường đã lựa chọn trăng và gió như những biểu tượng đẹp song hành cùng người chinh phụ. Riêng nhà thơ Lý Bạch, trong gần 20 bài thơ viết về người chinh phụ, có 10 bài nhà thơ đã sử dụng biểu tượng gió và trăng.

Theo truyền thuyết Kinh Thánh, những cơn gió là hơi thở của Chúa Trời, “chúng truyền sinh khí; chúng là những dấu hiệu và cũng như các thiên thần, chúng mang những thông điệp. Chúng là một dạng biểu hiện của thần linh, muốn truyền đạt những cảm xúc của mình, từ niềm triu mến thắm thiết nhất đến sự giận giữ sôi sục nhất”<sup>(8)</sup>. Người Trung Quốc xưa cũng quan niệm gió có chức năng mang thông tin, vì thế gió đã trình hiện trong thơ như một nhân vật đặc biệt. Mảng thơ chinh phụ đời Đường cũng ngập tràn gió, khi là ngọn gió xuân dạt dào xúc cảm yêu đương, khi là ngọn gió mùa thu cô đơn, lạnh giá, lúc là ngọn

gió đông đón đau thét gào... Bởi vì, với người chinh phụ, gió là người đưa thư, chỉ có gió mới có thể vượt mọi trở ngại về không gian, mang nỗi niềm của người vợ trẻ đến bên chồng :

“Mong theo ngọn gió xuân gửi đến  
Yên Nhiên

Nhớ chàng nơi xa xôi như cách trời  
xanh”

(Trường tương tư – Lý Bạch)

“Tây phong xuy bất tận  
Tống thị Ngọc quan tình”  
(Gió thu thổi không ngớt  
Tình ải Ngọc bao la)

(Tý Dạ Ngô ca- Lý Bạch)

Nhờ gió thu không ngớt thổi mà tình cảm của người chinh phụ cô đơn cứ theo tiếng chày đập vải mà vang mãi vang mãi tới biên ải xa xôi.

Và cũng trong bài *Xuân tứ* của Lý Bạch đã nói ở trên, nếu không nhờ ngọn gió xuân thì hiểu sao hết những ẩn ức của người thiếu phụ xa chồng: “Xuân phong bất tương thức, hà sự nhập la vi”.

Nếu “gió” có chức năng mang thông điệp, thậm chí có lúc được đồng nhất với người chinh phụ, thì “trăng” được xem như một tri kỉ, thấu tận nỗi lòng, tình cảnh của người chinh phụ :

Thùy vị hàm sâu độc bất kiến

Cánh giao minh nguyệt chiếu lưu  
hoàng

(Ngậm tủi vì ai riêng chẳng thấy,  
Để cho trăng sáng dội màn sương).

(Cổ ý- Thẩm Thuyên Kỳ)

Dạ đảo hung y hướng minh nguyệt  
Minh nguyệt cao cao khắc lậu trường  
(Tối đập áo nhưng nhìn trăng tỏ

Trăng tỏ đã lên khá cao, giọt lậ đã  
lâu dài)

(Đào y thiên – Lý Bạch)

Nguyệt nhập sương khuê bi  
(Trăng chiếu vào phòng sương buồn  
bã)

(Độc bất kiến – Lý Bạch)...

(Lê Nguyễn Lưu dịch)

hoặc đồng nhất với người chinh phụ  
như:

Trường An nhất phiến nguyệt

(Trường An trăng một mảnh)

(Tý dạ Ngô ca- Lý Bạch)

Tư quân như nguyệt mãn

Dạ dạ giảm quang huy.

(Nhớ chàng tròn bóng nguyệt

Mỗi tối một hao gầy”

(Tự quân chi xuất hỹ- Trương Cửu  
Linh)

Khả liên khuê lý nguyệt

Trường tại Hán gia đình

(Phòng khuê trăng quạnh quẽ

Trại Hán chiếu mệnh mông)

(Tạp thi – Thẩm Thuyên Kỳ)

(Lê Nguyễn Lưu dịch)

Trăng cũng như người chinh phụ, nhớ  
nhung, sâu tủi, đẹp và cô đơn.

Tóm lại, thiên nhiên trong thơ Đường  
vừa làm nền, vừa là phương tiện biểu  
đạt, vừa thể hiện quan niệm đồng nhất  
giữa con người và thế giới, giúp nhà thơ  
sáng tạo những ý cảnh nghệ thuật đặc  
sắc.

### 3.2. Sự phóng đại, cường điệu.

Sự phóng đại và cường điệu cũng là  
một cách chiêm nghiệm “cái bi” trong  
những bài thơ viết về người chinh phụ.

Dùng biện pháp này, thi nhân mới có thể  
làm nổi bật mối hận sâu sắc tử biệt sinh  
ly của những người phụ nữ xa chồng.

Sự phóng đại, cường điệu biểu hiện ở  
cách “nói quá” của nhà thơ. Cách nói ấy  
nghe thống thiết hơn, chạm sâu vào đau  
thương hơn. Chẳng hạn, khi miêu tả  
những thiếu phụ khóc lóc thở than, thi  
nhân không nói “giọt lệ” mà nói “dòng  
lệ”, “suối lệ” “đêm đêm tuôn chảy”. Khi  
họ nhớ thương thì “héo hắt ruột  
gan”, “đoạn trường thì”, gửi “một dòng  
thư” là kèm “nghìn dòng lệ”. Khi họ u  
sầu thì “xuân phong sao đặng tự đông  
lai” cũng không nguôi được. Nhà thơ  
Bạch Cư Dị trong bài *Tư phụ mi* có câu:  
“Duy dư tư phụ sầu mi kết, vô hạn xuân  
phong xuy bất khai!”(Chỉ còn đôi mày  
nhớ nhung của thiếu phụ nhú lại, dù gió  
xuân thổi mấy cũng không giã ra được!)  
Cũng vẫn bài thơ *Vãn dạ chiêm* (Nghe  
tiếng chày đêm) của Bạch Cư Dị, tiếng  
chày sâu thẳm của “người vợ nhớ chồng  
ngày đêm đập lụa” đã chạm đến đáy sâu  
lòng trắc ẩn ở mỗi người đọc, bởi “nghìn  
tiếng muôn tiếng không lúc nào ngừng.  
Có lẽ đến sáng sớm thì mái đầu bạc hết,  
vì cứ mỗi tiếng thì thêm một sợi tóc  
thành tơ”.

Có lẽ, “nói quá” lên là cách để các nhà  
thơ phóng to bức họa về những thiếu  
phụ u buồn ấy giúp người đời chiêm  
nghiệm, thấu cảm tận cùng nỗi khổ đau  
mà họ phải gánh chịu suốt 3 thế kỉ loạn  
lạc và mấy nghìn năm định kiến khắc  
nghiệt.

Mặt khác, nghệ thuật phóng đại,  
cường điệu còn biểu hiện ở các tỷ dụ, liên



tưởng tảo bạo của nhà thơ. Như Lý Bạch trong *Trường tương tư* có câu:

Tích thì hoành ba mục

Kim tác lưu lệ truyền

(Xưa kia, đôi mắt đưa ngang làn sóng

Nay thành con suối tuôn dòng lệ)

Đến nỗi chính người chinh phụ “soi gương cũng không nhận ra mình nữa, hướng chi người chồng lúc trở về” (Bài ca đập áo).

Nhà thơ Trương Cửu Linh trong bài *Tự quân chi xuất hỹ* đã nói ở trên lại so sánh:

Tư quân như nguyệt mãn

Dạ dạ giảm quang huy.

(Nhớ chàng tròn bóng nguyệt

Mỗi tối một hao gầy)

*Tóm lại*, với ngôn ngữ phóng khoáng và sự tưởng tượng tảo bạo đã giúp các nhà thơ xây đắp được những hình tượng nghệ thuật độc đáo, miêu tả lý tưởng, nguyện vọng đẹp đẽ cũng như lòng yêu ghét mãnh liệt của nhà thơ, tạo cho thơ sự cuốn hút đặc biệt.

### 3.3. Cảm thức về thời gian

Đến đời Đường, thi nhân đặc biệt quan tâm tới thời gian, đặc biệt đau đớn vì sự vận hành khắc nghiệt của thời gian. Thời gian được mở rộng, kéo dài và cũng có một độ ngưng tụ đặc biệt. “Thời gian trở thành định ngữ đặc trưng khiến ta đọc lên là nhận ra dư vị Đường thi”.<sup>(10)</sup>

Gắn với mối hận sinh ly tử biệt, gắn với tâm trạng khắc khoải chờ đợi, thơ chinh phụ đặc biệt nhạy cảm với *bước đi của thời gian*. Thời gian chảy trôi theo dòng tâm trạng của những thiếu phụ nhớ chồng.

Có lúc cả một quãng thời gian chờ chồng dằng dặc cũng chỉ vụt qua chớp mắt theo tiếng thở dài não nuột của người vợ trẻ. Thẩm Thuyên Kỳ trong *Cổ ý* viết: “Thập niên chinh thú ức Liêu Dương” (Mười năm lính thú dưới Liêu Dương). Lý Bạch trong *Đảo y thiên* có câu: “Khuê lý giai nhân niên thập dư” (Người đẹp ở trong phòng khuê đã hơn mười năm). Thiếu phụ trong bài *Tư biên* của Lý Bạch lại tâm sự: “Khứ niên hà thì lang biệt thiếp... Kim tuế hà thì thiếp ức quân” (Năm ngoái vào mùa nào chàng từ biệt thiếp?... Năm nay vào mùa nào em nhớ chàng?).

Người chinh phụ thẳng thốt, đau đớn trước sự khắc nghiệt của thời gian, bởi vì thời gian trôi đi cũng đồng nghĩa với tuổi xuân trôi mất: “Con nhà ai cưới ngựa trắng, nay thành lính ải Hoàng Long”, “huệ xuân bỗng thành ra cỏ thu” (Độ bất kiến – Lý Bạch). Đây là thời gian của tâm trạng tiếc hận sâu sắc.

Nhưng có lúc, với người chinh phụ, thời gian lại bước đi rất chậm chạp, nặng nề “một ngày tựa thiên thu”:

Trích tận đình lan bất kiến quân

Hồng cân thức lệ sinh nhân uân

(Hái hết lan ngoài sân vẫn không thấy chàng

Khăn hồng lau lệ mờ cả mắt)

Có khi tưởng chừng như ngưng đọng:

Quân biên vân ủng thanh ti kỳ

Thiếp xứ đài xinh hồng phấn lâu

(Bên chàng, mây che con ngựa tơ xanh

Bên thiếp rêu mọc mái lầu phấn son).

(Đảo y thiên – Lý Bạch)...

Nhưng dù nhanh hay chậm, thời gian vẫn để lại dấu vết của sự tàn phá khốc liệt. Mỗi ngày nào người chồng còn là chàng công tử hào hoa cười con ngựa trắng nay đã thành lính ải Hoàng Long dạn dày sương gió. Người chinh phụ ngày nào còn mà y liễu, má hoa nay không dám nhìn gương chải tóc, hoa huệ mùa xuân đã đổi ra úa, xưa đào tơ nay hoa rụng trở thành cành khô...“Bất tín thiếp trường đoạn, quy lai khán thủ minh kính tiên” (Nếu không tin lòng thiếp khổ, xin chàng về ngắm tấm gương nhà) – thơ Lý Bạch.

Thái độ của người chinh phụ trước b thời gian khiến ta liên tưởng đến thái độ sống của nữ thi sĩ đương thời, Đỗ Thu Nương:

Khuyến quân mạc tích kim lữ y  
 Khuyến quân tích thủ thiếu niên thì.  
 Hoa khai kham chiết trực tu triết,  
 Mạc đãi vô hoa không triết chi  
 (Khuyên chàng đừng tiếc nuôi cái áo  
 tơ vàng  
 Khuyên chàng nên tiếc mà giữ cái  
 thời trẻ trung.  
 Hoa nở đúng lúc hái thì cứ hái ngay,  
 Chớ đợi hoa rụng hết mới bẻ cái cành  
 không)

(Kim lữ y – Lê Nguyễn Lưu dịch).

Tóm lại, cảm thức về thời gian trong thơ chinh phụ đã thể hiện thái độ sống tích cực của các thi nhân đời Đường, nó gần với cảm thức về thời gian của con người hiện đại: Khao khát được sống một cuộc sống thực tại có ý nghĩa cho những người phụ nữ bất hạnh, hay rộng hơn là cho mọi con người.

3.4. Giả tưởng, đồng nhất hóa thực và mộng.

Làm gì để thoát khỏi khổ đau? Đó là câu hỏi muôn thuở của con người muôn đời.

Trong nghệ thuật và thi ca nói riêng, mơ ước và tưởng tượng là cách hóa giải đẹp nhất mọi bi kịch. Vì thế, không phải ngẫu nhiên, những người chinh phụ trong thơ Đường lại hay giả tưởng, hay “mộng”. Ví như, để được rong ruổi cùng chồng bên “con ngựa tơ xanh”, thiếu phụ nghĩ mình phải là một cánh chim, và nếu “minh niên cánh nhược chinh biên tái” thì thiếp “nguyện tác Dương Đài nhất đoạn vân” (Sang năm, nếu chàng còn đóng ở biên ải, thiếp xin làm một áng mây ở Dương Đài) (Đảo y thiên – Lý Bạch).

Hoặc họ tưởng tượng mình sẽ sống trong một thế giới khác, một thế giới ở đó được cùng chồng trong hạnh phúc đắm say. Thiếu phụ trẻ trung trong bài *Xuân khuê* của Đái Thúc Luân là một ví dụ:

Niên liễu thành biên liễu,  
 Thanh thanh mạch thượng tang,  
 Đề lung vong thái diệp.  
 Tạc dạ mộng Ngư Dương.  
 (Mơn mớn liễu bên xóm  
 Xanh xanh dâu cạnh đường  
 Giỏ mang quên hái lá  
 Nhớ mãi mộng Ngư Dương) -

Lê Nguyễn Lưu dịch.

Ba câu trên với các hình ảnh ẩn dụ: *liễu mơn mớn bên thành, dâu xanh bên đường, giỏ mang quên hái lá* giúp ta liên tưởng tới một không gian tình yêu rạo rục. Đó cũng chính là hiện thực đã tác

động tới người vợ trẻ: kêu gọi cảm xúc yêu đương, sẽ khiến nàng nhớ thương chồng đến “đứt ruột”. Nhưng chính chữ “vong” và câu cuối “tạc dạ mộng Ngư Dương” đã kéo nàng ra khỏi hiện thực đau khổ đó, để đắm chìm vào thế giới hạnh phúc của riêng mình: Ngư Dương, nơi người chồng đóng quân. Như vậy, bằng cách đồng nhất thực với mộng, nhà thơ đã diễn tả rất sâu sắc tình yêu nồng nàn, say đắm mà hết mực thủy chung của người vợ trẻ.

Trong bài *Y Châu ca* của Kim Xương Tự, người chinh phụ cũng chỉ muốn ở mãi trong “mộng”, ở mãi thành Liêu Tây để được cùng chồng tận hưởng hạnh phúc lứa đôi:

Mau mau đuổi cái vàng anh  
 Dừng cho nó hót trên cành cây cao  
 Làm cho tan giấc chiêm bao  
 Làm cho thiếp chẳng được vào Liêu

Tây- Lê Nguyễn Lưu dịch.

Biết bao người vợ trẻ như nàng vẫn hằng tìm gặp chồng trong mộng, cho dù sự thực có đớn đau như nhà thơ Trần Đào đã lặng lẽ xót thương: “Khả liên Vô Định hà biên cốt, do thị xuân khuê mộng lý nhân”(Thương thay xương chất bờ Vô Định, mà vẫn người trong mộng gối xuân).

Bởi lẽ, chỉ với “mộng” và bằng “mộng”, người chinh phụ cô đơn mới có thể xoa dịu được nỗi đau khổ dày vò hiện tại, và nhờ “mộng” mà nói được rất nhiều những khao khát yêu đương, hạnh phúc vốn phải kìm nén bấy lâu.

Như vậy, chính phép giả tưởng và đồng nhất hóa thực - mộng đã gián tiếp biểu hiện “hiện thực bi đát” ở mức độ sâu sắc nhất.

4. Tóm lại, qua việc tìm hiểu “cái bi” thể hiện trong mảng thơ chinh phụ, chúng ta phần nào khám phá được vẻ đẹp quyến rũ của vườn thơ Đường “rộng rinh”. Thông qua hình tượng người chinh phụ, các nhà thơ không chỉ “phản ánh, lý giải hiện thực thực tại” mà còn “tạo ra một thế giới ứng với những nhu cầu và định hướng về tinh thần của con người”. Có lẽ, lần đầu tiên ở Trung Hoa, một xã hội bao nhiêu năm vốn không coi trọng phụ nữ, vốn không cởi mở với chữ Tình ấy, ý thức về cá nhân và những nhu cầu rất Người đã trỗi dậy, thông qua tiếng nói của những người chinh phụ. Nhất là, tiếng lòng thống thiết của những người phụ nữ bất hạnh ấy lại chủ yếu xuất phát từ những “bạc quân tử”. Điều đó thể hiện tinh thần nhân đạo, chiều sâu tư tưởng tiến bộ của các nhà thơ và góp phần tạo nên sự tươi thắm của thơ Đường.

#### CHÚ THÍCH:

- (1). Dư Quan Anh, Tiên Trung Thư, Phạm Ninh: *Lịch sử văn học Trung Quốc*, tập II, NXB Giáo dục, 1993
- (2). *150 thuật ngữ văn học* – Lại Nguyên Ân, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
- (3). *Mỹ học* – Hê Ghen, Nxb Văn học, 2005
- (6). Trần Lê Bảo: *Ý cảnh nghệ thuật trong thơ cổ Trung Quốc*, tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc số 2 năm 2005.
- (7). Nguyễn Thị Bích Hải: *Thi pháp thơ Đường*, Nxb Thuận Hoá, Huế 1995
- (8), (9). Jean Chevalien, Alain Gheerbrant: *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* - NXB Đà Nẵng, Trường Viết văn Nguyễn Du, 2002
- (10). Nguyễn Khắc Phi, Trần Đình Sử: *Về thi pháp thơ Đường*, Nxb Đà Nẵng, 1997.

